

**TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**  
**(Đến ngày 31/01/2024)**

(Kèm theo công văn số...../SKHĐT-TH ngày .../02/2024 của Sở KHĐT)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân đến ngày 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
<b>A</b>	<b>THEO NGUỒN VỐN</b>	<b>2.991.454</b>	<b>2.896.872</b>	<b>96,8%</b>	
	Vốn ngân sách địa phương	889.289	940.734	105,8%	
	Vốn ngân sách trung ương	971.700	971.700	100,0%	
	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	134.000	131.615	98,2%	
	Vốn CTMTQG	277.565	262.038	94,4%	
	Vốn nước ngoài	718.900	590.785	82,2%	
<b>B</b>	<b>THEO CHỦ ĐẦU TƯ</b>				
<b>1</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&amp;CN</b>	<b>201.165</b>	<b>199.030</b>	<b>99%</b>	
	Bệnh viện Y dược cổ truyền	30.000	30.000	100,0%	
	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	4.500	4.500	100,0%	
	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải, san nền và đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thành Hải	57.675	57.675	100,0%	
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước và Bác Ái	100.000	97.866	97,9%	
	Tuyến đường Trần Nhân Tông	1.748	1.747	99,9%	
	Hạ tầng khu công nghiệp Thành Hải	242	242	100,0%	
	Nhà hỏa táng tại nghĩa trang Chung Mỹ, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước	7.000	7.000	100,0%	
<b>2</b>	<b>Ban XDNL và thực hiện các dự án ODA ngành nước</b>	<b>889.749</b>	<b>779.667</b>	<b>88%</b>	
	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	888.681	778.599	87,6%	
	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	568	568	100,0%	
	Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng môi trường đô thị, giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải; thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước và thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	500	500	100,0%	
<b>3</b>	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình GT</b>	<b>539.021</b>	<b>539.021</b>	<b>100,0%</b>	
	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	89.128	89.128	100,0%	
	Đường vành đai phía Bắc (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đi Quốc lộ 1 A)	146.802	146.802	100,0%	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân đến ngày 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
	Đường giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ và Cảng tổng hợp Cà Ná	51.656	51.656	100,0%	
	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	251.321	251.321	100,0%	
	Mở rộng đường tỉnh 704	77	77	100,0%	
	Nâng cấp Đường quốc lộ 1A - Phước Hà	37	37	100,0%	
<b>4</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&amp;PTNT</b>	<b>301.134</b>	<b>301.134</b>	<b>100%</b>	
	Dự án thành phần Xây dựng hạ tầng phục vụ vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã An Hải thuộc dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung tỉnh Ninh Thuận	166	166	100,0%	
	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận	10.000	10.000	100,0%	
	Hệ thống Hồ chứa nước Kiên Kiên	17.701	17.701	100,0%	
	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	151.481	151.481	100,0%	
	Hồ chứa nước Sông Than	59.000	59.000	100,0%	
	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập - Tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận	965	965	100,0%	
	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	61.821	61.821	100,0%	
<b>5</b>	<b>UBND thành phố PR-TC</b>	<b>96.898</b>	<b>219.413</b>	<b>226,4%</b>	
	Vốn phân cấp, đối ứng CTMTQG	68.382	191.050	279,4%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	25.746	25.746	100,0%	
	Hỗ trợ HTX	610	610	100,0%	
	CTMTQG	2.160	2.007	92,9%	
<b>6</b>	<b>UBND huyện Bác Ái</b>	<b>119.383</b>	<b>119.380</b>	<b>100,0%</b>	
	Vốn phân cấp, hỗ trợ đổi mới giáo dục, nông thôn mới, đối ứng CTMTQG	19.449	19.449	100,0%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	2.500	2.500	100,0%	
	Hỗ trợ Hợp tác xã	479	476	99,4%	
	CTMTQG	96.955	96.955	100,0%	
<b>7</b>	<b>UBND huyện Ninh Phước</b>	<b>76.783</b>	<b>76.436</b>	<b>99,5%</b>	
	Vốn phân cấp, xã NTM nâng cao, đối ứng CTMTQG	54.163	53.881	99,5%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	10.900	10.900	100,0%	
	Hỗ trợ Hợp tác xã	1.689	1.684	99,7%	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân đến ngày 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
	CTMTQG	10.031	9.971	99,4%	
<b>8</b>	<b>UBND huyện Ninh Sơn</b>	<b>95.163</b>	<b>93.919</b>	<b>98,7%</b>	
	Vốn phân cấp, xã NTM, NTM nâng cao, đối ứng CTMTQG	51.043	51.043	100,0%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	4.200	4.200	100,0%	
	CTMTQG	39.920	38.676	96,9%	
<b>9</b>	<b>UBND huyện Thuận Nam</b>	<b>89.071</b>	<b>68.482</b>	<b>76,9%</b>	
	Vốn phân cấp, xã NTM, xã NTM nâng cao, đối ứng CTMTQG	43.496	36.306	83,5%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	4.800	4.800	100,0%	
	Kè chống sạt lở khu vực Cảng Cà Ná	6.105	6.105	100,0%	
	CTMTQG	34.670	21.271	61,4%	
<b>10</b>	<b>UBND huyện Ninh Hải</b>	<b>78.942</b>	<b>62.681</b>	<b>79%</b>	
	Vốn phân cấp, đối ứng CTMTQG	58.509	42.279	72,3%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	10.000	9.999	100,0%	
	Hỗ trợ Hợp tác xã	926	926	100,0%	
	Kè chống sạt lở Nhơn Hải đến Thanh Hải	224	224	100,0%	
	CTMTQG	9.283	9.253	99,7%	
<b>11</b>	<b>UBND huyện Thuận Bắc</b>	<b>120.249</b>	<b>91.451</b>	<b>76%</b>	
	Vốn phân cấp, đối ứng CTMTQG	45.944	17.366	37,8%	
	Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông	3.000	3.000	100,0%	
	Hỗ trợ Hợp tác xã	370	353	95,4%	
	Đường D2 nối dài đến Khu công nghiệp Du Long	15.000	15.000	100,0%	
	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá lán xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	25.870	25.870	100,0%	
	CTMTQG	30.065	29.862	99,3%	
<b>12</b>	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình</b>	<b>40.500</b>	<b>40.499</b>	<b>100,0%</b>	
	Nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết bị truyền hình thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020	424	423	99,8%	
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống máy phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận	691	691	100,0%	
	Phát triển tín hiệu phát thanh, truyền hình Ninh Thuận trên hạ tầng Internet	740	740	100,0%	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân đến ngày 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình Phát thanh, Truyền hình Tiếng dân tộc - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận	38.645	38.645	100,0%	
<b>13</b>	<b>BQL Vườn Quốc gia Phước Bình</b>	<b>154</b>	<b>153</b>	<b>99%</b>	
	Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020	154	153	99,4%	
<b>14</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>230</b>	<b>228</b>	<b>99,1%</b>	
	Trung bày nội thất bảo tàng tỉnh	230	228	99,1%	
<b>15</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và XH</b>	<b>2.998</b>	<b>2.995</b>	<b>100%</b>	
	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm cai nghiện bắt buộc thành Trung tâm cai nghiện tổng hợp đa chức năng tỉnh Ninh Thuận	1.718	1.718	100,0%	
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	163	162	99,4%	
	Nâng cấp sửa chữa trung tâm công tác xã hội tỉnh (Cơ sở 2: Nuôi dưỡng người tâm thần)	602	601	99,8%	
	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	515	514	99,8%	
<b>16</b>	<b>Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn</b>	<b>1.119</b>	<b>1.119</b>	<b>100,0%</b>	
	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Nhơn, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải	1.119	1.119	100,0%	
<b>17</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>11.334</b>	<b>11.323</b>	<b>100%</b>	
	Trường mẫu giáo Phước Thành	492	492	100,0%	
	Trường mẫu giáo Bắc Sơn (05 phòng, cơ sở Bình Nghĩa và Xóm bằng)	54	50	92,6%	
	Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Thuận Bắc	354	347	98,0%	
	Dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 (Trường THCS Võ Văn Kiệt)	341	341	100,0%	
	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	10.093	10.093	100,0%	
<b>18</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>14.585</b>	<b>14.517</b>	<b>99,5%</b>	
	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần Ninh Thuận	1.505	1.437	95,5%	
	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp Y tế	13.080	13.080	100,0%	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân đến ngày 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
<b>19</b>	<b>BQL Vườn Quốc gia Núi Chúa</b>	<b>76</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>	
	Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy Vườn Quốc gia Núi Chúa	76	75	100%	
<b>20</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>36</b>	<b>36</b>	<b>100,0%</b>	
	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2015-2020	36	36	100,0%	
<b>21</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>6.972</b>	<b>6.962</b>	<b>100%</b>	
	Dự án Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 27 – đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	6.972	6.962	100%	
<b>22</b>	<b>LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</b>	<b>5.619</b>	<b>5.611</b>	<b>100%</b>	
<b>23</b>	<b>Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi</b>	<b>34.000</b>	<b>33.749</b>	<b>99,3%</b>	
	Nâng cấp hồ chứa nước Trà co và Phước Nhơn	34.000	33.749	99,3%	
<b>24</b>	<b>Chi cục thủy lợi</b>	<b>13.349</b>	<b>13.347</b>	<b>100,0%</b>	
	Kè bảo vệ thôn Sơn Hải. Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	120	120	100,0%	
	Củng cố đê kè biển Phú Thọ - Đông Hải cửa sông Cái Phan Rang	152	151	99,3%	
	Đê cửa sông Phú Thọ	74	73	98,6%	
	Cột thu lôi chống sét	13.003	13.003	100,0%	
<b>25</b>	<b>Bệnh viện tỉnh</b>	<b>4.200</b>	<b>4.199</b>	<b>100,0%</b>	
	Xây mới Khoa truyền nhiễm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	4.200	4.199	100,0%	
<b>26</b>	<b>Ban Dân tộc</b>	<b>1.090</b>	<b>558</b>	<b>51,2%</b>	
	Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	1.090	558	51,2%	
<b>27</b>	<b>Trường Cao đẳng nghề</b>	<b>11.950</b>	<b>11.947</b>	<b>100,0%</b>	
	Đầu tư Trường cao đẳng nghề thành Trường chất lượng cao đến năm 2025	11.950	11.947	100,0%	
<b>28</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>42.386</b>	<b>24.939</b>	<b>59%</b>	
	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận	38.500	21.055	54,7%	
	Dự án thành phần: Cải tạo, nâng cấp đoạn đầu kênh chính Bắc và đường giao thông kết hợp quản lý kênh chính Bắc thuộc Hệ thống thủy lợi Nha Trinh – Lâm Cẩm, tỉnh Ninh Thuận (thuộc Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh Miền Trung - Khoản vay bổ sung)	247	246	99,6%	
	Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030	300	300	100,0%	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân đến ngày 31/01/2024	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
	Hồ chứa nước Ô Cấm	3.339	3.338	100,0%	
<b>29</b>	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>	<b>39.000</b>	<b>32.642</b>	<b>83,7%</b>	
	Xây dựng Nhà công vụ thuộc Văn phòng Tỉnh ủy	25.900	19.566	75,5%	
	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	13.100	13.076	99,8%	
<b>30</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>1.387</b>	<b>1.331</b>	<b>96%</b>	
	Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	1.387	1.331	96,0%	
<b>31</b>	<b>BCH Bộ đội biên phòng tỉnh</b>	<b>13.000</b>	<b>13.000</b>	<b>100,0%</b>	
<b>32</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>13.386</b>	<b>13.385</b>	<b>100,0%</b>	
<b>33</b>	<b>BCH Quân sự tỉnh</b>	<b>62.500</b>	<b>60.331</b>	<b>97%</b>	













